



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

Đồng Nai – 03/2018

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2018

Stt	Hạng mục hồ sơ	Ghi chú
1	Chương Trình Đại Hội	
2	Quy chế tổ chức và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	
3	Báo cáo HĐQT năm 2017 và kế hoạch năm 2018	
4	Báo cáo Ban điều hành năm 2017 và kế hoạch năm 2018	
5	Báo cáo Ban kiểm soát	
6	Tờ trình 01/2018/TTr-HĐQT: Thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và Báo cáo tình hình sử dụng vốn của các đợt phát hành tăng vốn trong năm 2017 Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	
7	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017	
8	Tờ trình 02/2018/TTr-HĐQT Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch 2018	
9	Tờ trình 03/2018/TTr-BKS: lựa chọn đơn vị kiểm toán	
10	Tờ trình 04/2018/TTr-HĐQT: thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung	
11	Tờ trình 05/2018/TTr-HĐQT: thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã được sửa đổi, bổ sung	
12	Tờ trình 06/2018/TTr-HĐQT về kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2018	
13	Tờ trình 07/2018/TTr-HĐQT thông qua nội dung ủy quyền cho HĐQT trong năm 2018	
14	Dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Nhựa Đồng Nai	
15	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Nhựa Đồng Nai	
16	Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018	



CTCP NHỰA ĐỒNG NAI (DNP CORP)
Trụ sở: Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai
VP Hà Nội: Tầng 23, tòa nhà Handico, đường Phạm
Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Tel: +84 613 836 843
Fax: +84 613 836 174
Web: www.dnpcorp.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018

STT		NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1	14:30-15:00	Đón khách, đăng ký đại biểu, phát tài liệu.	Ban Tổ Chức
2	15:00-15:05	Khai mạc Đại hội Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội	Ban kiểm tra tư cách Đại biểu
3	15:05-15:10	Thông qua Chương trình Đại Hội Thông qua Quy chế Tổ chức và Biểu quyết tại Đại hội Giới thiệu Chủ tịch Đoàn, Thư ký Đoàn, Ban kiểm phiếu	Dẫn chương trình
4	15:10-15:30	Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành năm 2017 kế hoạch năm 2018	Chủ tịch HDQT
5	15:30-15:40	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2017, kế hoạch năm 2018	Trưởng BKS
6	15:40-16:15	Các Tờ trình với nội dung sau: - Tờ trình thông qua thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2017; Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2017 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018 - Tờ trình thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, thù lao HĐQT & BKS năm 2017, kế hoạch năm 2018 - Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty - Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế quản trị Công ty - Tờ trình thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2018. - Tờ trình thông qua nội dung ủy quyền cho HĐQT giữa hai kỳ Đại hội 2018 - 2019 - Các nội dung khác (nếu có)	Tổng Giám đốc và Phó Chủ tịch HĐQT
7	16:15-16:45	Đại hội thảo luận về nội dung của các Báo cáo và Tờ trình Đại hội	
8	16:45-17:00	Biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội	Tổng Giám đốc
9	17:00 - 17:15	Nghỉ giải lao	
10	17:15 - 17:30	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông 2018	Thư ký đại hội



CTCP NHỰA ĐỒNG NAI (DNP CORP)

Trụ sở: Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hà,
Tỉnh Đồng Nai

VP Hà Nội: Tầng 23, tòa nhà Handico, đường Phạm
Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Tel: +84 613 836 843

Fax: +84 613 836 174

Web: www.dnpcorp.vn

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

Đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, đạt được thành công tốt đẹp, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua “*Quy chế tổ chức và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018*” với các nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhiệm vụ của Đại hội

- Biểu quyết thông qua Quy chế Tổ chức và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017; Tờ trình thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2017;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2018; Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018; Tờ trình về mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2018 và các tờ trình khác;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2018, bổ sung ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ;
- Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2017 đã được kiểm toán xác nhận.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua việc bầu lại thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 -2022.
- Thảo luận thông qua các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội;
- Biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội.
- Nội dung khác tại Đại hội

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông



Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 19/03/2018 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

1. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận **Phiếu lấy ý kiến, Thẻ biểu quyết và Phiếu Thảo luận** trong đó có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông.
2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội sử dụng mẫu ủy quyền do Công ty cấp, không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Điều 3. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 4. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - b. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.



- c. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- d. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;

Điều 5. Ban Kiểm tra Tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa giới thiệu.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
 - Thẩm tra tư cách cổ đông và đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.
 - Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải lập Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 6. Ban Kiểm Phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 04 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 03 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
 - Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Đại hội cần nhiều thời gian thảo luận hơn dự kiến thì Đoàn Chủ tịch sẽ có thẩm quyền quyết định vấn đề này.
- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu Thảo luận đã được phát và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu Thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay và phải tuân thủ các quy định sau:
 - + Được sự chấp thuận của Chủ tọa;
 - + Phải nêu tên và mã số biểu quyết trước khi phát biểu;
 - + Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với Chương trình Đại hội;
 - + Nội dung phát biểu phải mang tính xây dựng và phát triển Công ty;

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu Thảo luận của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và lấy biểu quyết công khai bằng cách giơ *Thẻ biểu quyết* hoặc bỏ phiếu kín bằng Phiếu biểu quyết (*tùy từng nội dung biểu quyết*) đối với tất cả cổ đông và/hoặc Đại diện.
- Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được Công ty in và được phát cho Cổ đông /Đại diện cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết ghi rõ Mã số cổ đông, Họ và tên, Số phiếu biểu quyết của cổ đông đó (*đối với Thẻ biểu quyết*) và các nội dung biểu quyết theo Chương trình họp của ĐHĐCĐ (*đối với Phiếu biểu quyết*).

2. Phương thức biểu quyết:

2.1. Phương thức giơ Thẻ biểu quyết

- ❖ Các nội dung biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:
 - Thông qua Chương trình đại hội;
 - Thông qua Danh sách đoàn chủ tịch;
 - Thông qua Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông;
 - Thông qua quy chế tổ chức đại hội, Quy chế bầu cử
 - Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- ❖ Cách biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:
 - Cổ đông và/hoặc Đại diện cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội;
 - Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết;
 - Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

2.2. Phương thức bỏ phiếu kín

- ❖ Các nội dung biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu kín:
 - Báo cáo HĐQT, Ban điều hành năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018.
 - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 và kế hoạch kiểm soát năm 2018.
 - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2017.
 - Tờ trình thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2017.
 - Tờ trình thông qua Phương án sản xuất kinh doanh năm 2018



- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018.
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.
- Tờ trình thông qua sửa đổi điều lệ Công ty.
- Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2017 đã được kiểm toán xác nhận
- Tờ trình thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2018.
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

❖ **Cách biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín:**

Cổ đông và/hoặc Đại diện cổ đông tích (X) vào ô Tán thành/không tán thành/không có ý kiến đối với vấn đề cần lấy biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết; Ký và ghi rõ họ tên vào phiếu biểu quyết.

Sau khi hoàn thành, cổ đông và/hoặc đại diện cổ đông bỏ phiếu vào một trong các hòm phiếu đặt ở phía trên hội trường.

Sau khi đảm bảo tất cả cổ đông và/hoặc đại diện cổ đông tham gia ĐHĐCĐ đã bỏ phiếu xong, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

3. Thể lệ biểu quyết:

- 3.1. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) thẻ biểu quyết và 01 (một) Phiếu biểu quyết.
- 3.2. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:
 - Báo cáo HĐQT, Ban điều hành năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018.
 - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 và kế hoạch kiểm soát năm 2018.
 - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2017, và báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2017 đã được kiểm toán xác nhận
 - Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2017, thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2018.
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.
 - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018 theo tờ trình số 02/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 của HĐQT.
 - Tờ trình thông qua toàn văn Quy chế quản trị nội bộ đã được sửa đổi bổ sung.
 - Tờ trình thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ 2018.
 - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 3.3. Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội:
 - Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2018.
 - Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.



- Và một số vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có).

Điều 9. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký lập, đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội này được trình bày trước Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và được thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai thông qua và chấm dứt hiệu lực sau khi kết thúc Đại hội.

Thay mặt Ban Tổ chức trình Đại hội cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

TM. Ban Tổ Chức Đại Hội

Chủ tịch HĐQT

(Đã ký)

VŨ ĐÌNH ĐỘ

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

1. Đặc điểm tình hình

Kinh tế Việt Nam năm 2017 đã bứt phá với mức tăng trưởng 6,81% ấn tượng, vượt kế hoạch đề ra và cao nhất trong 10 năm, kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu đạt hơn 400 tỷ USD, vốn FDI đăng ký đạt mức kỷ lục 35,88 tỷ USD... Sự tăng trưởng còn đi kèm với sự ổn định của kinh tế vĩ mô thể hiện qua lạm phát ở mức thấp 3,53%, tỷ giá VND/USD chỉ điều chỉnh 1,4% so với đầu năm. Nhu cầu nội địa và đặc biệt là tiêu dùng tiếp tục phát triển nhanh do động lực từ lạm phát thấp và tăng lương thực tế. Đồng thời, sự phục hồi của nhu cầu bên ngoài là lực đỡ cho các ngành Việt Nam theo hướng xuất khẩu.

Bên cạnh những thuận lợi là những thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt các doanh nghiệp trong ngành sản xuất nhựa. Sau khi chạm đáy, các nguyên vật liệu bắt đầu chu kỳ tăng giá, giá nguyên vật liệu nhựa đầu vào tăng mạnh gần 30%. Ngoài ra các chi phí nhân công, điện nước... và mặt bằng lãi suất bắt đầu đi lên gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, cùng với việc hội nhập sâu hơn và tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam, cạnh tranh diễn ra gay gắt hơn trong bối cảnh ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường, trong đó có cả các công ty, tập đoàn lớn nước ngoài với nguồn lực mạnh cả về vốn, nhân lực và công nghệ. Trong năm 2017 nổi bật là sự cạnh tranh về giá bán sản phẩm ở những mảng thị trường truyền thống như ống nhựa hạ tầng, nhựa công nghiệp và bao bì. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm cũng ngày càng khắt khe hơn.

Đối với ngành nước, Chính phủ đã có những chính sách rất cụ thể để đẩy nhanh quá trình thoái vốn nhà nước, khuyến khích khối tư nhân tham gia đầu tư vào ngành nước nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư cũng như chất lượng nước sạch cung cấp cho người dân. Điển hình là các quyết định về danh mục và lộ trình thoái vốn cụ thể, chủ trương về ưu đãi thuế, ưu đãi sử dụng đất cho phát triển nhà máy nước và mạng lưới đường ống truyền tải nước, chính sách bảo vệ nguồn nước, lộ trình tăng giá nước phù hợp cân đối giữa lợi nhuận của nhà đầu tư và lợi ích cho người dân.

Các chuyên gia kinh tế đều nhận định Việt Nam đang bước vào một chu kỳ tăng trưởng dài hạn và ổn định nhờ những những chuyển biến tích cực trong việc tái cơ cấu nền kinh tế. Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh quá trình tư nhân hoá các khu vực kinh tế trọng yếu, gia tăng hiệu quả đầu tư công, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng xử lý các tồn đọng từ các năm trước. Hiệp định CPTPP được ký kết mở ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp Việt Nam về thương mại, xuất khẩu... Tuy nhiên, giai đoạn sắp tới cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc cải thiện hiệu quả hoạt động, tăng năng lực cạnh tranh và áp dụng công nghệ vào quản trị sản xuất, vận hành trong xu hướng chi phí tăng và cạnh tranh ngày càng lớn.

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT

Tóm tắt kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2017 theo NQ ĐHCĐ 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	% thực hiện kế hoạch
1	Doanh thu thuần hợp nhất	Tỷ đồng	1.504	2.050	73%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (của cổ đông công ty mẹ)	Tỷ đồng	83	120	69%
3	Tỷ lệ cổ tức chia trong năm 2017	%	25%	25%	100%
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500	500	100%

Đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt của ngành Nhựa trên tất cả các mảng: Ống nhựa và phụ kiện nhựa, nhựa công nghiệp, bao bì..., năm 2017, Công ty đã không đạt được kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận. Nguyên nhân cụ thể là (1) ảnh hưởng từ sản lượng tiêu thụ ống hạ tầng cho một số dự án lùi lại thực hiện trong năm 2018, (2) mảng ống dân dụng vẫn đang trong quá trình thâm nhập, phát triển thị trường, (3) mảng nhựa công nghiệp còn chưa phát huy được hiệu quả đầu tư và thời gian thử nghiệm và hoàn thiện khuôn mẫu đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng còn kéo dài (4) độ trễ về doanh thu hợp nhất của ngành nước do thời gian thoái vốn của nhà nước thực hiện chậm hơn dự kiến, ảnh hưởng làm tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 không đạt kế hoạch. Bên cạnh đó, (i) do các yếu tố chi phí đầu vào như điện-nhân công, đặc biệt là giá nguyên vật liệu tăng mạnh gần 30% trong năm, (ii) các hoạt động đầu tư, phát triển dự án được đẩy mạnh, tăng chi phí khấu hao và phân bổ trong năm trong khi doanh thu chưa đạt mục tiêu dẫn đến lợi nhuận của công ty thấp hơn kế hoạch đặt ra.

Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, cùng với ban TGD thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng để liên quan đến sự phát triển và chiến lược của DNP Corp. Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời đưa ra các giải pháp để tăng hiệu quả đầu tư và giám sát thực hiện của ban điều hành.

Xác định xu hướng kinh tế vĩ mô bước vào chu kỳ tăng trưởng ổn định mới đi kèm với áp lực cạnh tranh, công ty tiếp tục củng cố mô hình Công ty đầu tư (“investment holding”), mở rộng đầu tư phát triển vào lĩnh vực trọng tâm là sản xuất nhựa và nước sạch. Định hướng trong vòng 3 đến 5 năm tới phải hoàn thiện dịch chuyển cơ cấu sản phẩm sang các nhóm ngành có tỷ suất lợi nhuận tốt hơn, tăng trưởng nhu cầu tốt hơn (như thị trường dân dụng và gia dụng), bên cạnh việc duy trì các sản phẩm hiện hữu và nâng cao hiệu quả sản xuất các sản phẩm truyền thống (ống nhựa hạ tầng, nhựa công nghiệp), đẩy mạnh đầu tư nắm bắt cơ hội ngành nước.

Trong đó lĩnh vực ngành nhựa đầu tư mạnh mẽ vào máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng, mở rộng quy mô để tăng năng lực cạnh tranh về chất lượng và năng suất sản xuất, phát triển thêm

các sản phẩm mới cho thị trường dân dụng và gia dụng, tìm kiếm hợp tác với các nhà sản xuất Nhật Bản, tích hợp công nghệ quản lý sản xuất tiên tiến để tăng năng suất lao động...

Lĩnh vực ngành nước lại tập trung thực hiện nhanh các cơ hội đầu tư mua cổ phần công ty ngành nước trong giai đoạn thoái vốn nhà nước cũng như đầu tư thêm và phát triển các dự án xây dựng mới trong các lĩnh vực này. Theo đó, tháng 4/2017, CTCP đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) chính thức được thành lập, tập trung nguồn lực thực hiện cam kết phát triển lâu dài trong ngành nước của DNP Corp.

Trong năm 2017, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp, xây dựng và phát triển thị trường mới ... và khẩn trương triển khai để nhanh chóng hoàn thành các dự án nhà máy nước sạch.

Trong năm 2017, CTCP Nhựa Đồng Nai đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng, củng cố nguồn tài chính cho các hoạt động đầu tư và phát triển các mảng sản xuất kinh doanh trọng yếu của công ty. DNP Water cũng nhận được cam kết đầu tư 24,9 triệu USD của IFC, dấu mốc quan trọng trong việc gia tăng nguồn lực tài chính của công ty cũng như kinh nghiệm vận hành, quản lý đầu tư, các thông lệ tốt về môi trường, xã hội và quản trị công ty hướng đến phát triển bền vững.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

HĐQT đã nhận thức các thách thức về cạnh tranh, giá các yếu tố chi phí đầu vào tăng cao và đang tập trung định hướng chương trình hiệu quả trên tất cả các đơn vị thành viên, đẩy mạnh hiệu quả từ những tài sản đã đầu tư trong năm 2017, sát sao cùng Ban Điều hành thực hiện các hoạt động:

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động M&A các công ty có tiềm năng trong mảng nước sạch và triển khai các dự án nhà máy nước sạch
- Củng cố hoạt động của các đơn vị thành viên, hoàn thành và đưa vào khai thác tối ưu các dự án đã đầu tư.
- Tăng vốn cho các đơn vị trong DNP Corp phù hợp với nhu cầu phát triển quy mô của DNP Corp

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	% tăng trưởng
1	Doanh thu thuần hợp nhất	Tỷ đồng	1.504	2.461	64%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (của cổ đông công ty mẹ)	Tỷ đồng	83	150	81%
3	Tỷ lệ cổ tức chia trong năm 2018	%	13%	15%	15%

4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500	1.000	100%
---	-------------	---------	-----	-------	------

2. Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường rà soát các dự án đã đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và quản lý tối ưu chi phí tại các dự án và đơn vị;
- Tiếp tục huy động nguồn lực và các cơ hội hợp tác để tìm kiếm, triển khai các cơ hội đầu tư mua chi phối các công ty tiềm năng trong ngành nước;
- Phối hợp chặt chẽ với các đối tác chiến lược về công nghệ và vận hành trong ngành nước để hoàn thành và vận hành hiệu quả các dự án nước sạch mới cũng như tăng hiệu quả hoạt động tại các công ty nước thành viên;
- Xây dựng và tuyển dụng đội ngũ nhân sự quản lý, kinh doanh, kỹ thuật trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty tại các phân khúc, thị trường mới trong ngành nhựa.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký

VŨ ĐÌNH ĐỘ

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
1. Đặc điểm tình hình

Tăng trưởng thuận lợi của kinh tế Việt Nam năm 2017 và dự báo vĩ mô ổn định những năm tiếp theo khẳng định các cơ hội cho ngành nhựa và ngành nước - hai ngành chiến lược của DNP Corp. Ngành nhựa là ngành tăng trưởng ổn định của thế giới và Việt Nam trong nhiều năm qua. Chỉ số tiêu thụ nhựa bình quân tại Việt Nam hiện là 41kg/người/năm, thấp hơn nhiều so với mức 48kg/người/năm của châu Á và mức 70kg/người/năm của thế giới. Ngành nhựa Việt Nam được dự báo đạt sẽ còn tăng trưởng nhanh, đạt 45kg/người/năm vào năm 2020 nhờ nhu cầu cao từ các ngành tiêu dùng, thực phẩm, bất động sản và hạ tầng... Ngành nước có dự địa tăng trưởng rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt đô thị đến năm 2020 ước tính cần 3,3 tỷ USD đầu tư để xây các nhà máy nước mới, cải thiện hệ thống nước... Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 công bố danh mục thoái vốn trên 57 công ty thuộc ngành cấp thoát nước 2017-2019 tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia thị trường.

Bên cạnh các cơ hội, hoạt động của DNP Corp cũng gặp không ít khó khăn trong năm 2017. Trong ngành nhựa, xu hướng tăng giá của nguyên vật liệu và nhân công, và áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước là thách thức lớn công ty phải đối mặt. Trong ngành nước, lộ trình thoái vốn kéo dài tại các doanh nghiệp Nhà nước, cạnh tranh giữa nhiều nhà đầu tư và bài toán vận hành hiệu quả các nhà máy nước trong điều kiện chi phí tăng, nguồn nước nhiều nơi suy giảm, ô nhiễm... sẽ ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của công ty.

Năm 2017, Ban Tổng Giám Đốc công ty được Đại hội đồng cổ đông giao cho kế hoạch SXKD với doanh thu là 2.050 tỷ, lợi nhuận sau thuế 120 tỷ, đồng thời triển khai các dự án nhà máy nước và đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng thị trường. Tập thể cán bộ nhân viên của công ty đã nỗ lực để đạt được những kết quả như sau:

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Đ/v	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	% so với 2016	% thực hiện kế hoạch 2017
1	Sản lượng						
1.1	Bao bì	Tấn	9.200	9.200	9.250	100%	99%

NHỰA ĐỒNG NAI

NHỰA TÂN PHÚ

NƯỚC ĐỒNG TÂM

NƯỚC BÌNH HIỆP

1.2	Ống nhựa hạ tầng và dân dụng	Tấn	10.400	10.400	16.345	100%	64%
1.3	Nước sạch (*)	M3/ngày	62.095	65.000	90.000	96%	69%
1.4	Nhựa công nghiệp	Tỷ đồng	550	501	723	110%	76%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.504	1.454	2.050	103%	73%
2.1	Bao bì	Tỷ đồng	331	311	336	106%	99%
2.2	Ống nhựa hạ tầng và dân dụng	Tỷ đồng	594	574	809	104%	74%
2.3	Nước sạch	Tỷ đồng	115	68	182	168%	63%
2.4	Nhựa công nghiệp	Tỷ đồng	464	501	723	93%	64%
3	Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông công ty mẹ)	Tỷ đồng	83	86	120	99%	69%
4	Tỷ suất lợi nhuận ròng	%	5,6%	5,9%	5,9%	95%	95%

(*) Sản lượng nước sạch tính doanh thu.

Đánh giá chung Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2017:

Doanh thu thuần đạt 1.504 tỷ, tương ứng 103% doanh thu năm 2016, hoàn thành 73% kế hoạch. 17% kế hoạch không hoàn thành chủ yếu do: (i) tốc độ tham nhập thị trường của mảng kinh doanh ống nhựa dân dụng chậm hơn kỳ vọng, và (ii) độ trễ trong triển khai của một số dự án ống nhựa hạ tầng và hợp đồng cung ứng nhựa công nghiệp; (iii) ngành nước mới hoàn thành các hoạt động M&A vào thời điểm cuối năm nên doanh thu các đơn vị thành viên chưa được hợp nhất cả năm.

Lợi nhuận sau thuế đạt 83 tỷ đồng, xấp xỉ lợi nhuận năm 2016 và hoàn thành 69% kế hoạch, là kết quả của (i) chi phí tăng (giá nguyên vật liệu tăng mạnh, chi phí điện, nhân công, chi phí khấu hao và bán hàng tăng) và (ii) doanh thu thấp hơn kỳ vọng (do độ trễ trong lộ trình đầu tư và ghi nhận doanh thu).

Trong năm 2017, DNP Corp vẫn đạt được một số kết quả nhất định:

- Ngành nhựa: (1) về kinh doanh, tiếp tục duy trì vị thế số 1 về thị phần ở mảng ống nhựa hạ tầng và doanh thu ổn định mảng bao bì. Đã xây dựng được hệ thống phân phối tại nhiều tỉnh cho ống nhựa dân dụng. Đã ký kết được thêm nhiều đơn hàng với các đối tác mới có giá bán tốt hơn ở mảng nhựa công nghiệp. Chuẩn bị mở rộng sang thị trường gia dụng. (2) Về sản xuất, đã hoàn thành đầu tư và đi vào sản xuất hơn 400 bộ khuôn cho phụ kiện nhựa dân dụng, trở thành nhà sản xuất đa dạng nhất cho lĩnh vực này tại Việt Nam. Hoàn thiện mô hình quản trị sản xuất kiểu Nhật và đạt tiêu chuẩn ISO15378 cho cung ứng bao bì nhựa cho ngành thực phẩm, dược phẩm.

- Ngành nước: thông qua mô hình công ty đầu tư ngành nước DNP Water, đã thực hiện đầu tư thêm vào 8 công ty cấp nước, 2 dự án xây dựng nhà máy nước, nâng tổng công suất thiết kế của các nhà máy nước sở hữu/vận hành lên đến 580.000 m³/ngày đêm. Dự kiến trong các năm tới các khoản đầu tư này sẽ đem lại tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận và dòng tiền đáng kể cho DNP Corp.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	% so với thực hiện 2017
1.	Sản lượng				
1.1.	Ống và phụ kiện	Tấn	21.728	10.400	209%
1.2.	Bao bì	Tấn	13.132	9.200	143%
1.3.	Nhựa công nghiệp	Tỷ đồng	14.445	9.746	148%
1.4.	Nước sạch (*)	M3/ngày	89.700	62.095	144%
2.	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.461	1.504	164%
2.1.	Ống nhựa và phụ kiện	Tỷ đồng	1.074	594	181%
2.2.	Bao bì	Tỷ đồng	486	331	147%
2.3	Nhựa công nghiệp và gia dụng	Tỷ đồng	730	464	157%
2.4	Nước sạch	Tỷ đồng	171	115	149%
3.	Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông công ty mẹ)	Tỷ đồng	150	83	181%
4.	Tỷ suất lợi nhuận ròng	%	6,1%	5,6%	109%

(*) Sản lượng nước sạch tính doanh thu.

Đánh giá kế hoạch kinh doanh 2018:

- Bao bì xuất khẩu: Kế hoạch doanh thu bao bì tăng 47% vì đã hoàn thiện đầu tư tăng năng suất sản xuất, sản lượng cao và ổn định.
- Ống nhựa và phụ kiện: Kế hoạch doanh thu mảng hạ tầng tăng trưởng 81% nhờ các dự án hạ tầng phát triển, và hoạt động mảng ống nhựa dân dụng dự kiến khởi sắc năm 2018 sau khi kênh phân phối đã hoàn thành.

- Nước sạch: Doanh thu nước sạch dự kiến tăng 49% thông qua việc tăng sức tiêu thụ của nhà máy nước Đồng Tâm và các dự án mới đi vào hoạt động.
- Nhựa công nghiệp và gia dụng: Dự án đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng, khuôn mẫu, sau độ trễ đầu tư và doanh thu, sẽ đem lại tăng trưởng về doanh thu tăng 57% năm 2018.
- Lợi nhuận chung: đặt kế hoạch tăng biên lợi nhuận lên 6,1% và đạt lợi nhuận cả năm là 150 tỷ.

2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018

- Ống và phụ kiện: Tại mảng ống nhựa hạ tầng DNP đã khẳng định vị thế số 1 tại Việt Nam, công ty tiếp tục duy trì sản phẩm và dịch vụ chất lượng vượt trội, tạo giá trị gia tăng cho khách hàng. Bên cạnh đó, công ty sẽ mở rộng vào mảng ống nhựa xây dựng dân dụng M&E qua mạng lưới đại lý, bán lẻ đã bước đầu được tạo dựng với dãy sản phẩm ống nhựa và phụ kiện đa dạng.
- Bao bì: Đối với mảng bao bì xuất khẩu, khai thác tối ưu danh mục khách hàng truyền thống và phát triển sản phẩm hướng đến các thị trường có giá trị và phân khúc cao hơn. Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa bằng cách tham gia các kênh bán lẻ hiện đại, có tốc độ tăng trưởng cao như siêu thị, cửa hàng tiện lợi...
- Nhựa công nghiệp: Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, xanh, sạch, đảm bảo chất lượng cho các ngành y tế, thực phẩm, hàng tiêu dùng..., phát triển các sản phẩm và tập khách hàng phân khúc mới.
- Nước sạch: tiếp tục phát triển quy mô thông qua việc đầu tư trở thành đối tác chiến lược của các công ty sản xuất nước sạch của Nhà nước cổ phần hóa và nhanh chóng xây dựng, hoàn thành các dự án nhà máy nước mới. Song song với đó là việc cải thiện hiệu quả hoạt động của các nhà máy nước thành viên qua việc áp dụng công nghệ, quy trình và hệ thống quản trị hiện đại.
- Tài chính – Quản trị: Nhằm đạt hiệu quả đầu tư và kinh doanh tối ưu tại các công ty và dự án, DNP Corp sẽ tăng cường quản lý nguồn lực bằng cách quản trị chi phí chặt chẽ và tăng năng suất lao động, hiệu suất hoạt động tại tất cả các đơn vị thành viên.
- Tăng vốn điều lệ: nhằm tận dụng cơ hội đầu tư vào ngành nước qua việc thực hiện các hoạt động M&A các công ty nước sạch tiềm năng và tăng hiệu quả hoạt động các nhà máy nước hiện hữu.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

Nguyễn Văn Hiếu

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Đối với hoạt động năm 2017 của Công ty

Kính thưa Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai!

Căn cứ vào quy định của Luật Doanh nghiệp, và Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2017 và xin báo cáo kết quả như sau:

1. Hoạt động giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý Công ty

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc (“BGĐ”), giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT. Theo đó HĐQT có 05 thành viên, đảm bảo cơ cấu phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời HĐQT tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành 24 cuộc họp và ban hành 24 nghị quyết, quyết định để thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như các nội dung mà ĐHĐCĐ thường niên 2017 đã thông qua. Theo đánh giá của BKS, các quyết định của HĐQT là phù hợp với chủ trương, định hướng về chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã quyết định thông qua. Chủ tịch, Phó Chủ tịch cùng các thành viên HĐQT đã tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công, kịp thời nghiên cứu và có các nghị quyết, quyết định nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện Ban Điều hành triển khai hoạt động kinh doanh và/hoặc xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Công ty trong năm 2017 cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 đạt 1.504 tỷ đồng, tăng nhẹ 3% so với năm 2016, đạt 73% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 83 tỷ đồng, giảm nhẹ 3%, đạt 69% kế hoạch.
- Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư 75% cổ phần của CTCP Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water). Thông qua DNP Water, Công ty thực hiện phát triển các dự án nhà máy nước mới, gồm thi công 50% tiến độ nhà máy nước DNP-Bắc Giang, hoàn thiện các thủ tục để xây dựng dự án nhà máy nước DNP-Long An và được giao thực hiện dự án nhà máy nước mới tại Khánh Hoà.
- Trong ngành nhựa, Công ty tiếp tục đầu tư phát triển các sản phẩm ống nhựa và phụ kiện sản phẩm, tăng công suất sản xuất bao bì mềm từ 1.000 tấn/tháng lên 1.300 tấn/tháng và đầu tư mở rộng màng nhựa gia dụng.
- Năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

- Doanh thu thuần: 1.504 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 73 tỷ đồng
- Tài sản ngắn hạn: 1.410 tỷ đồng
- Tài sản dài hạn: 2.443 tỷ đồng
- Nợ phải trả: 2.884 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu: 968 tỷ đồng

3. Thù lao của Ban Kiểm Soát trong năm 2017

Tổng thù lao của BKS trong năm 2017 là: 66.000.000 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân). Cụ thể cho từng thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao năm 2017 (đồng)
Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 08/04/2017)	0
Bà Lương Thị Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08/04/2017)	0
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08/04/2017)	36.000.000
Ông Mai Hữu Đạt	Trưởng ban (đã miễn nhiệm ngày 08/04/2017)	18.000.000
Ông Phùng Quang Việt	Thành viên (đã miễn nhiệm ngày 08/04/2017)	12.000.000
Ông Trịnh Kiên	Thành viên (đã miễn nhiệm ngày 08/04/2017)	0
Tổng cộng		66.000.000

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin và nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty.
- Thành viên BKS tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BKS, BGĐ và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

5. *Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát*

- Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan, BKS trong năm 2017 đã nỗ lực hoàn thành các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ.
- Trong năm 2017 BKS đã tổ chức họp 2 lần để bầu Trưởng BKS và phân công nhiệm vụ kiểm tra giám sát cho từng thành viên trong ban để đạt được hiệu quả cao trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Kiểm soát viên Lương Thị Hương, là một Luật sư đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát mảng tuân thủ pháp luật của Công ty, giám sát việc thực thi quyền lợi đối với Cổ đông của HĐQT và Ban điều hành. Trưởng BKS và Kiểm soát viên Bùi Thị Tâm đã giám sát rất chặt chẽ và chi tiết cả nội dung liên quan đến các các hoạt động thuộc lĩnh vực tài chính của Công ty.

Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2017, BKS có kết luận như sau:

- 5.1 Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty trong năm 2017.
- 5.2 Trong thời gian tới Công ty cần lưu ý trong việc xây dựng hệ thống quản lý và hệ thống nhân sự để phù hợp với quy mô hiện tại cũng như xu hướng phát triển của mình.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua Báo cáo BKS.
Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đã ký

Trần Minh Trang

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và báo cáo tình hình sử dụng vốn của các đợt phát hành tăng vốn trong năm 2017 Công ty CP Nhựa Đồng Nai

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005 và các văn bản liên quan;
 - Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ hướng dẫn quản trị công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai;
1. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm các nội dung sau:
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Kết quả sản xuất, kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - Thuyết minh Báo cáo tài chính
- (Nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính kiểm toán tóm tắt được đính kèm và bản chi tiết được công bố tại website công ty: <https://dnpcorp.vn/>)*
2. Năm 2017, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ, theo đó Công ty đã thực hiện lập Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành theo đúng quy định. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đã được đơn vị kiểm toán xác nhận.
- (Nội dung chi tiết theo bản Báo cáo tình hình sử dụng vốn được đính kèm)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Vũ Đình Độ

Số: 178/2017/BCKT-PB.00020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được lập ngày 28/03/2018, từ trang 05 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		811.009.945.269	620.768.656.057
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	190.087.737.299	108.635.957.390
1. Tiền	111		129.419.377.980	98.020.864.156
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.668.359.319	10.615.093.234
III/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	205.209.927.531	16.455.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		190.224.690.000	1.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.985.237.531	15.455.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		237.890.977.781	290.569.472.605
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	238.139.552.740	217.597.251.381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	24.649.592.083	52.511.287.191
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	200.000.000	41.252.193.273
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	6.824.531.097	9.196.997.098
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(31.922.698.139)	(29.988.256.338)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	167.001.994.766	198.830.083.726
1. Hàng tồn kho	141		171.035.530.312	201.176.883.639
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.033.535.546)	(2.346.799.913)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		10.819.307.892	6.278.142.336
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	6.624.425.849	756.303.030
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.166.255.557	1.812.832.987
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	1.028.626.486	3.709.006.319
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.148.005.010.421	656.912.833.917
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		7.457.649.274	15.362.000.079
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	9.500.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	7.457.649.274	5.862.000.079
III/ Tài sản cố định	220		193.431.198.201	89.560.409.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	134.187.999.377	56.411.450.491
- Nguyên giá	222		248.672.917.761	150.565.577.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.484.918.384)	(94.154.126.905)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	59.243.198.824	33.148.959.378
- Nguyên giá	225		68.200.417.671	41.306.654.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.957.218.847)	(8.157.695.569)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		608.202.719	4.185.077.800
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	608.202.719	4.185.077.800
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	941.341.031.054	540.473.649.345
1. Đầu tư vào công ty con	251		941.341.031.054	410.769.959.345
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	104.203.690.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	25.500.000.000
VII/ Tài sản dài hạn khác	260		5.166.929.173	7.331.696.824
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	5.166.929.173	7.331.696.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.959.014.955.690	1.277.681.489.974

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		1.338.642.796.904	925.336.132.195
I/ Nợ ngắn hạn	310		786.900.564.715	678.172.966.315
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	83.472.110.798	47.544.176.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	4.410.561.157	88.710.134.912
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.916.371.525	863.303.649
4. Phải trả người lao động	314		5.785.941.949	8.424.747.352
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	8.362.250.252	3.015.877.516
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	7.130.012.085	5.216.270.049
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	672.764.628.968	522.339.767.965
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.058.687.981	2.058.687.981
III/ Nợ dài hạn	330		551.742.232.189	247.163.166.880
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	367.957.432.000	107.273.090.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	183.784.800.189	139.890.075.880
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		620.372.158.786	352.345.357.779
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	620.372.158.786	352.345.357.779
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.092.720.000	300.056.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.092.720.000	300.056.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.002.900.000	29.155.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		725.180.292	725.180.292
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.551.700.494	22.409.279.487
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		90.551.700.494	22.409.279.487
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.959.014.955.690	1.277.681.489.974



Nguyễn Văn Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hằng
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.044.086.206.046	889.392.507.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	655.190.744	365.049.498
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.043.431.015.302	889.027.457.835
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	910.246.623.349	777.381.286.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.184.391.953	111.646.171.331
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	184.713.363.063	29.784.768.804
7. Chi phí tài chính	22	6.5	53.484.607.397	40.578.853.219
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.563.268.235	37.211.511.921
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	42.195.407.389	24.190.081.221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	57.473.300.631	45.616.653.637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164.744.439.599	31.045.352.058
11. Thu nhập khác	31	6.8	2.585.652.186	8.984.615.683
12. Chi phí khác	32	6.9	6.468.218.827	1.576.937.624
13. Lợi nhuận khác	40		(3.882.566.641)	7.407.678.059
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		160.861.872.958	38.453.030.117
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	13.707.701.951	3.661.231.703
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		147.154.171.007	34.791.798.414



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hằng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	160.861.872.958	38.453.030.117
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	24.502.659.876	16.818.971.250
- Các khoản dự phòng	03	3.621.177.434	8.418.030.944
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(484.445.990)	761.717.688
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(181.951.085.819)	(35.087.327.794)
- Chi phí lãi vay	06	48.563.268.235	37.211.511.921
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	55.113.446.694	66.575.934.126
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.719.623.252)	(39.592.329.271)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	30.141.353.327	(100.330.917.082)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(48.213.517.968)	90.744.296.697
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.703.355.168)	(3.722.266.000)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(85.021.000.000)	5.000.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(49.817.820.157)	(35.184.088.720)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(8.102.706.023)	(8.598.960.723)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(111.323.222.547)	(25.108.330.973)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(80.054.558.387)	(22.423.060.555)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.454.777.836	11.416.054.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.629.740.017)	(104.262.384.606)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	147.151.695.759	27.023.462.042
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(974.389.606.000)	(404.746.861.991)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	808.146.447.291	107.273.090.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.700.717.071	25.600.298.542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(80.620.266.447)	(360.119.402.568)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	120.872.630.000	123.211.780.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.205.614.352.828	1.081.254.675.096
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.039.004.770.399)	(805.332.645.490)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(13.927.340.460)	(8.742.672.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	273.554.871.969	390.391.137.042
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	81.611.382.975	5.163.403.501
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	108.635.957.390	103.274.039.329
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(159.603.066)	198.514.560
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>190.087.737.299</u>	<u>108.635.957.390</u>



Nguyễn Văn Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hằng
 Người lập biểu

Số: 178/2018/BCKTHN-PB.00020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được lập ngày 28/03/2018, từ trang 05 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.409.848.479.830	898.455.742.195
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	307.873.206.677	154.838.423.715
1. Tiền	111		164.659.383.658	132.642.385.258
2. Các khoản tương đương tiền	112		143.213.823.019	22.196.038.457
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	102.904.908.165	19.622.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		64.650.000.000	1.399.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(231.800.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.254.908.165	18.455.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		636.129.663.319	385.259.763.468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	340.343.097.622	317.193.910.698
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	278.724.673.704	51.460.311.880
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	810.000.000	32.297.314.606
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	54.558.483.237	20.804.231.195
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(38.306.591.244)	(36.496.004.911)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	314.352.967.333	305.354.892.565
1. Hàng tồn kho	141		318.492.689.331	307.736.710.475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.139.721.998)	(2.381.817.910)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		48.587.734.336	33.380.462.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	11.086.155.850	3.055.449.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.608.121.344	25.331.229.140
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	1.893.457.142	4.993.783.681
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.442.802.258.291	1.620.012.661.415
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		25.105.740.884	14.258.104.132
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	25.105.740.884	14.258.104.132
II/ Tài sản cố định	220		1.690.763.833.148	1.197.703.915.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.425.144.449.995	1.072.644.347.477
- Nguyên giá	222		2.040.640.428.768	1.578.816.468.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(615.495.978.773)	(506.172.120.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	226.825.032.285	95.059.647.472
- Nguyên giá	225		283.373.692.658	139.384.177.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(56.548.660.373)	(44.324.530.035)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	38.794.350.868	29.999.920.230
- Nguyên giá	228		43.762.402.668	34.276.845.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.968.051.800)	(4.276.924.988)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		145.980.309.279	67.581.174.237
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	145.980.309.279	67.581.174.237
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	218.772.691.397	144.246.752.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		100.733.001.397	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		113.039.690.000	141.246.752.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	3.000.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		362.179.683.583	196.222.715.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	30.069.618.696	9.306.394.682
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.21	-	326.675.799
3. Lợi thế thương mại	269	5.14	332.110.064.887	186.589.645.386
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.852.650.738.121	2.518.468.403.610

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		2.884.224.897.351	1.963.758.746.032
I/ Nợ ngắn hạn	310		1.291.620.341.069	874.784.665.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	108.063.763.331	69.522.175.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	6.586.739.594	7.912.260.634
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	4.705.061.517	6.912.817.991
4. Phải trả người lao động	314		12.643.813.693	19.668.827.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	12.346.505.793	6.543.956.407
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	80.268.733.603	9.200.297.706
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	1.064.565.499.167	751.879.335.041
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.440.224.371	3.144.994.959
II/ Nợ dài hạn	330		1.592.604.556.282	1.088.974.080.175
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	575.421.179.569	316.668.910.279
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	963.051.953.212	743.502.770.578
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	54.131.423.501	28.802.399.318
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		968.425.840.770	554.709.657.578
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.22	968.425.840.770	554.709.657.578
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.092.720.000	300.056.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.092.720.000	300.056.240.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.002.900.000	29.155.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.757.228.445	15.794.216.721
4. Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		726.040.131	2.746.814.635
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.581.969.225	86.136.965.208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.809.808.786	4.536.730.384
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		123.772.160.439	81.600.234.824
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		287.265.324.969	120.820.763.014
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG GỘNG NGUỒN VỐN	440		3.852.650.738.121	2.518.468.403.610



Nguyễn Văn Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.506.803.072.391	1.457.205.085.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.042.711.558	2.502.017.744
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.504.760.360.833	1.454.703.068.206
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.215.175.888.085	1.121.391.704.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		289.584.472.748	333.311.363.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	114.154.118.572	9.338.829.047
7. Chi phí tài chính	22	6.5	123.407.482.056	70.320.556.967
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		118.151.321.013	66.127.619.537
8. Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		8.719.402.463	(3.385.529.434)
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	67.769.857.716	47.063.462.203
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	132.200.222.021	114.109.353.980
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.080.431.990	107.771.290.407
12. Thu nhập khác	31	6.8	7.349.869.216	9.680.422.902
13. Chi phí khác	32	6.9	9.430.106.283	2.501.683.575
14. Lợi nhuận khác	40		(2.080.237.067)	7.178.739.327
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		87.000.194.923	114.950.029.734
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	16.691.041.118	19.943.167.183
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(2.191.353.993)	(1.420.634.013)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.500.507.798	96.427.496.564
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		83.349.319.194	86.349.755.611
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(10.848.811.396)	10.077.740.953
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	1.957	2.864
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.13	1.957	2.864



Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	87.000.194.923	114.950.029.734
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	159.919.842.259	84.942.262.312
- Các khoản dự phòng	03	3.336.690.421	11.324.211.761
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(482.361.601)	663.559.447
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(122.043.285.278)	(10.150.430.662)
- Chi phí lãi vay	06	118.151.321.013	66.127.619.537
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	245.882.401.737	267.857.252.129
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(65.771.257.565)	(44.329.559.613)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.766.305.993)	(124.302.703.397)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	106.188.897.995	(1.367.792.341)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(28.759.628.071)	(5.034.205.420)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(63.251.000.000)	5.651.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(119.512.037.635)	(74.770.343.274)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(13.860.259.617)	(23.512.784.644)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(353.140.541)	(3.296.934.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.797.670.310	(3.106.071.314)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(531.499.474.300)	(219.271.056.330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.771.139.215	35.415.397.627
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.634.674.651)	(82.571.584.373)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	57.822.081.092	41.802.559.828
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(526.557.929.958)	(256.202.923.286)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	425.177.161.012	110.766.492.040
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.787.941.709	5.043.005.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(609.133.755.881)	(365.018.108.509)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	321.567.819.650	123.211.780.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.076.507.897.934	1.543.447.221.973
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.622.820.551.499)	(1.225.092.784.769)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(59.856.636.349)	(33.088.296.931)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.876.543.300)	(3.731.770.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	712.521.986.436	404.746.149.313
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	153.185.900.865	36.621.969.490
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	154.838.423.715	117.919.781.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(151.117.903)	296.672.801
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	307.873.206.677	154.838.423.715



Nguyễn Văn Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn
 Người lập biểu

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017,

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch 2018.

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2017 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, tổng mức thù lao HĐQT, BKS 2017 và Kế hoạch tổng mức thù lao HĐQT, BKS năm 2018 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	1.506.803.072.391
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	87.000.194.923
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	72.500.507.798
4	Cổ tức 2017 bằng cổ phiếu	Đồng	65.000.000.000
5	Thưởng cổ phiếu theo chương trình ESOP	Đồng	7.000.000.000
6	Lợi nhuận chuyển năm sau	Đồng	500.507.798
7	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	89,65%

II. Thù lao Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Kiểm Soát (BKS) năm 2017 và Kế hoạch tổng mức thù lao năm 2018

Do các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát kiêm nhiệm các vị trí Ban điều hành Công ty không nhận thù lao, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao đã chi trả cho HĐQT & Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch tổng mức thù lao HĐQT & BKS năm 2018 như sau:

Stt	Nội dung	Số lượng	Tổng thù lao 2017 (VNĐ)	Kế hoạch tổng mức thù lao 2018 (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị (*)	5	75.000.000	60.000.000
2	Ban kiểm soát (*)	3	66.000.000	48.000.000
	Tổng	8	141.000.000	108.000.000

(*) Chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT độc lập và thành viên Ban kiểm soát không làm việc tại công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VT,*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Vũ Đình Độ

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) và các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của DNP Corp, tiêu chí lựa chọn như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2018;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua hai nội dung sau:

1. **Danh sách đơn vị dự kiến thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty như sau:**
 - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
 - Công ty TNHH Kiểm toán Delloite;
 - Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
2. **Ủy quyền cho HĐQT, HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018 phù hợp với tình hình thực tế trong năm.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT,

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đã ký

Trần Minh Trang



Số: 04 /2018/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Ngày 06/06/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng phù hợp với Luật doanh nghiệp và ngày 22/09/2017, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP, quy định Điều lệ mẫu và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty đại chúng.

Theo đó, Công ty phải sửa đổi Điều lệ phù hợp với các quy định Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC. Để đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp Luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty đã được sửa đổi bổ sung, cụ thể:

1. Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai đã được sửa đổi, bổ sung theo Bản Điều lệ được đính kèm;
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để phát hành bản chính thức của Điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vũ Đình Độ

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua toàn văn Quy chế quản trị nội bộ đã được sửa đổi, bổ sung

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Ngày 06/06/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng và ngày 22/09/2017, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP, quy định Điều lệ mẫu và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty đại chúng.

Theo đó, Công ty phải sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ phù hợp với các quy định Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC. Để đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp Luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty đã được sửa đổi bổ sung, cụ thể:

1. Thông qua toàn văn Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo Bản Quy chế được đính kèm;
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung để phát hành bản chính thức của Quy chế quản trị nội bộ của công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Vũ Đình Độ

Số: 06 /2018/TT- HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

(V/v: kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2018)

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ Công ty CP Nhựa Đồng Nai;
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty,

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2018

A. Thông tin chung về cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần.
- Vốn điều lệ hiện hành : 500.092.720.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 50.009.272 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 10 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 50.009.262 cổ phiếu

B. Tổng hợp phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến: 50.000.000 cổ phiếu, chi tiết:

STT	Phương án phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành	Tỷ lệ % trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành
1	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	28.000.000	55,989%
1.1	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	6.500.000	12,997%
1.2	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền	21.500.000	42,992%
2	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, trong đó:	2.000.000	3,999%
	- Thưởng cổ phiếu cho CBCNV từ nguồn lợi nhuận sau thuế	700.000	
	- Chào bán cổ phiếu cho CBCNV	1.300.000	
3	Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư tiềm năng	20.000.000	39,992%
	Tổng cộng	50.000.000	98,98%

Ghi chú: (*) Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành có thể giảm xuống do việc xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư trong quá trình thực hiện phương án phát hành.

- Vốn điều lệ dự kiến tăng lên sau khi hoàn thành phương án phát hành: 1.000.092.720.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành: 100.009.272 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 10 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến: 100.009.262 cổ phiếu
- Phương án phát hành chi tiết: trình bày tại Mục III và IV dưới đây.

III. CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

A. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

- Số lượng cổ phần phát hành: **6.500.000** cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị cổ phần phát hành theo mệnh giá: 65.000.000.000 đồng
- Nguồn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Đối tượng phát hành : cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:12,997 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 12,997 cổ phiếu). Tương ứng với tỷ lệ cổ tức là 12,997 % trên mệnh giá.

- Phương thức thực hiện: Quyền nhận cổ phiếu để trả cổ tức không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền.

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu dư: số cổ phần nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xử lý số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có).

Ví dụ: Tại ngày chốt, Cổ đông A sở hữu số cổ phiếu là 1.207 cổ phần DNP, theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100 : 12,997 số cổ phần cổ đông A nhận được là:

$$1.207: 100 \times 12,997 = 156,87$$

Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần thực tế cổ đông A nhận được là **156** cổ phần.

- Thời gian thực hiện dự kiến: Năm 2018

2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **21.500.000** (Hai mươi một triệu, năm trăm nghìn) cổ phần.

- Loại cổ phần phát hành : cổ phần phổ thông

- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần

- Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:42,992 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được mua 42,992 cổ phiếu)

- Tổng giá trị theo mệnh giá : 215.000.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ đồng).

- Đối tượng phát hành : cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định.

- Phương án sử dụng vốn : Bổ sung vốn cho công ty

- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời gian cụ thể sau khi nhận được quyết định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần

- Căn cứ đề xuất mức giá chào bán:

✓ Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu của DNP tại thời điểm 31/12/2017 là:

	VCSH - lợi ích của cổ đông không kiểm soát	968.425.840.770– 287.265.324.969			
Giá trị sổ sách 1 CP	=	—————	=	—————	= 13.620 đồng/CP
		Tổng số CP đang lưu hành		50.009.262	

✓ Thị giá cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền chốt danh sách cổ đông họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 (ngày 19/03/2017) là 19.000 đồng/CP.

Tuy nhiên, do tính đến ảnh hưởng của thị trường và mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành, để đảm bảo đợt phát hành thành công, Hội đồng quản trị đề xuất mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền (nếu có):

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ (nếu có) và số cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết (nếu có), Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng, số lượng phân phối nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Mức giá bán cổ phiếu còn dư, cổ phiếu lẻ có thể thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần. Số lượng cổ phiếu này (nếu có) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.207 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100:42,992 số cổ phần cổ đông A được mua là:

$$1.207 : 100 \times 42,992 = 518,913$$

Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần thực tế cổ đông A được mua là **518** cổ phần.

- Quyền mua cổ phần chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ phiếu phát hành không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được quyền mua cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền.

3. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành

Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

- Pha loãng giá cổ phiếu:

- ✓ Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với phát hành cho cổ đông hiện hữu: việc phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tính toán. Theo đó, công thức tính như sau:

$$P_{ic} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1 + I_2 + I_3}$$

Trong đó:

P_{ic} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1} : Giá tham chiếu trước điều chỉnh

P_{R1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu

I_2 : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ tức bằng cổ phiếu

I_3 : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu ESOP

- Rủi ro pha loãng EPS

Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}$

SL cổ phiếu lưu hành bình quân

=

12

- ✓ X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

- Về pha loãng giá trị sổ sách

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc phát hành thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi phát hành do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của Công ty.

- Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, nên không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

B. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP)

Để khích lệ tinh thần cống hiến và tăng hiệu quả công việc cũng như tăng cường mức độ gắn bó và trách nhiệm của Ban điều hành cũng như cán bộ công nhân viên của CTCP Nhựa Đồng Nai và các đơn vị thành viên, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn cho người lao động như sau:

1. Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
2. Tỷ lệ phát hành: 3,999% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành
3. Tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **2.000.000 (Hai triệu)** cổ phần
4. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. Đối tượng phát hành: Ban điều hành và các cán bộ quản lý chủ chốt, các cán bộ công nhân viên có đóng góp cho sự thành công của Công ty và các đơn vị thành viên theo danh sách được HĐQT phê duyệt.
7. Hình thức phát hành:
 - Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động
 - Số lượng cổ phiếu thưởng ESOP: **700.000 (Bảy trăm nghìn)**
 - Giá trị cổ phiếu thưởng ESOP: 7.000.000.000 (Bảy tỷ) đồng
 - Nguồn để phát hành: từ nguồn vốn chủ sở hữu để phát hành 700.000 cổ phiếu thưởng cho người lao động. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết nguồn vốn phát hành cổ phiếu ESOP.
 - Chào bán cho người lao động:
 - Số lượng cổ phiếu ESOP chào bán: **1.300.000 (Một triệu, ba trăm nghìn)** cổ phần

- Giá trị cổ phiếu ESOP chào bán (theo mệnh giá): 13.000.000.000 (Mười ba tỷ) đồng
 - Giá chào bán ưu đãi: 10.000 đồng/cổ phiếu. Căn cứ đề xuất giá chào bán tương tự mục III.A.2
 - Xử lý cổ phần không phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có): Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phần không được các cán bộ quản lý chủ chốt có tên trong Danh sách cán bộ quản lý chủ chốt được mua cổ phần do Hội đồng quản trị thông qua đăng ký mua hết (nếu có), HĐQT sẽ điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phần phát hành theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã được phân phối trong đợt phát hành.
8. Phương án sử dụng vốn: Bổ sung vốn cho Công ty
9. Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn thời điểm phát hành, đảm bảo cổ phần phát hành cho người lao động sẽ không được hưởng quyền của các đợt phát hành nêu tại mục III.A của Tờ trình này.
10. Hạn chế chuyển nhượng:
- Cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) của Công ty theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Hội đồng quản trị, cụ thể:
- a. Đối với số cổ phần thưởng cho CBCNV thời gian và tỷ lệ chuyển nhượng như sau:
- ✓ Hết năm thứ nhất (12 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 30% trên tổng số lượng cổ phần ESOP được phát hành cho Cán bộ công nhân viên đó.
 - ✓ Hết năm thứ hai (24 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa 60% trên tổng số lượng cổ phần ESOP được phát hành cho Cán bộ công nhân viên đó.
 - ✓ Hết năm thứ ba (36 tháng sau ngày hoàn tất đợt phát hành): Tỷ lệ cổ phiếu được chuyển nhượng là toàn bộ số lượng cổ phần ESOP được phát hành cho Cán bộ công nhân viên đó.
- b. Đối với số cổ phần chào bán cho CBCNV theo giá 10.000 đồng/cổ phần, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
11. Phương án xử lý đối với số cổ phần đã phát hành ESOP khi cán bộ công nhân viên nghỉ việc: ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định phương án xử lý đối với số cổ phần đã phát hành cho cán bộ công nhân viên.

C. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2018

1. Thông tin về đợt phát hành

- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) Cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng
- Đối tượng chào bán: Các nhà đầu tư tổ chức/cá nhân
 - + Tổng số lượng nhà đầu tư được chào bán trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đảm bảo không vượt quá 100 người, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
 - + Đảm bảo danh sách các tổ chức, cá nhân tham gia đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tuân thủ theo khoản 3, Điều 1, Nghị định 60 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung.
- Phương án sử dụng vốn: bổ sung vốn cho Công ty
- Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: các cổ đông mua cổ phần phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ.

- Giá phát hành dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chào bán cụ thể, có thể thấp hơn giá trị sổ sách 01 cổ phiếu tại thời điểm phát hành nhưng không thấp hơn 12.000 đồng/cổ phần.
- Căn cứ đề xuất giá chào bán: tương tự tại mục III.A.2 (*Phần căn cứ đề xuất mức giá chào bán*). Tuy nhiên, giá chào bán trong đợt phát hành riêng lẻ cho các đối tác cần đảm bảo không được ưu đãi hơn so với giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Xử lý cổ phần không phân phối hết sau đợt chào bán (*nếu có*): ủy quyền cho HĐQT quyết định
- Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán: ủy quyền cho HĐQT quyết định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn danh sách nhà đầu tư mua cổ phần phát hành riêng lẻ theo đúng quy định của pháp luật.
- Thời gian thực hiện: Đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ có thể được thực hiện sau hoặc song song với các thủ tục phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được nêu tại tờ trình này. Các cổ phiếu chào bán riêng lẻ sẽ không được hưởng quyền của đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện, dự kiến trong quý II/III 2018 sau khi được UBCK Nhà nước chấp thuận việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

2. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành:

Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ gây ra rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

- Pha loãng giá cổ phiếu:

Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ sẽ không ảnh hưởng kỹ thuật đến giá giao dịch trên thị trường.

Tuy vậy, trong trường hợp giá cổ phần DNP trên thị trường cao hơn giá phát hành thì việc chào bán này có thể tạo áp lực giảm giá trên thị trường do áp lực nguồn cung cổ phần giá rẻ trong tương lai. Tuy vậy, việc hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (tối thiểu 01 năm) sẽ làm hạn chế tối đa rủi ro này.

- Rủi ro pha loãng EPS, pha loãng giá trị sổ sách: tương tự nội dung về Rủi ro pha loãng EPS, pha loãng giá trị sổ sách tại mục III.A.3.

- Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho các đối tượng không phải là cổ đông hiện hữu cũng làm giảm tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ phát hành thêm.

D. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Chủ động lựa chọn thời điểm phát hành, quyết định các đợt phát hành, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan và triển khai thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để hoàn tất việc phát hành.
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành để đảm bảo đợt phát hành thành công, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, đúng quy định pháp luật.
- Xác định đối tượng, Danh sách cán bộ quản lý chủ chốt được mua cổ phiếu phát hành ESOP.
- Quyết định lựa chọn thời điểm thích hợp, chủ động đàm phán, xác định tiêu chí lựa chọn đối tượng phát hành, lựa chọn và thông qua danh sách nhà đầu tư được mua và số lượng cổ phần được mua của từng nhà đầu tư, giá chào bán trên cơ sở đảm bảo đợt phát hành thành công, đảm bảo tổng số nhà đầu tư mua cổ phiếu không vượt quá 100 người đối với phần cổ phiếu phát hành riêng lẻ

- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn và điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (trong trường hợp cần thiết, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm.
- Ủy quyền HĐQT quyết định việc tạm thời sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho các hoạt động sản xuất kinh doanh khác để đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả khi chưa đến hạn sử dụng vốn theo các mục đích phát hành của phương án này.
- Ủy quyền cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất các đợt phát hành.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối số lượng cổ phiếu lẻ/cổ phiếu còn dư không phát hành hết trong các đợt phát hành theo phương án nêu trên (Hội đồng quản trị được quyết định điều kiện, phương thức và giá chào bán cho đối tượng khác với điều kiện không được ưu đãi hơn so phương án đã được thông qua), trừ cổ phiếu phát hành ESOP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký

VŨ ĐÌNH ĐỘ

TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua nội dung ủy quyền cho HDQT trong năm 2018*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Năm 2018 được dự báo là một năm có nhiều chuyển biến về môi trường kinh doanh liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động của Công ty và chủ động nắm bắt những cơ hội kinh doanh, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được chủ động quyết định, thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018- 2019 như sau:

1. Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh và ngân sách hoạt động kinh doanh năm 2018 - 2019 cho phù hợp với diễn biến thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và quy định của pháp luật;
2. Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện thủ tục thay đổi ngành nghề kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật;
3. Quyết định các hợp đồng hoặc giao dịch với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014 với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
4. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
5. Quyết định việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đơn vị thành viên của công ty có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu VT,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đã ký

Vũ Đình Độ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông.....	7
Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.....	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 8. Đăng ký chứng khoán và chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	14
Điều 16. Thay đổi các quyền liên quan đến cổ phiếu ưu đãi.....	15
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	27
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
VIII. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	31
Điều 29. Hệ thống quản lý.....	31
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	31
Điều 31. Ban Tổng giám đốc.....	32
Điều 32. Cán bộ quản lý khác.....	33
Điều 33. Kế toán trưởng.....	34
Điều 34. Thư ký Công ty.....	34

IX. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	35
Điều 35. Nguyên tắc cần trọng.....	35
Điều 36. Nguyên tắc trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
X. BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát.....	37
Điều 39. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ KHÁC.....	39
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	39
Điều 42. Tổ chức đoàn thể khác.....	39
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	40
Điều 43. Cổ tức.....	40
Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	41
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 46. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác.....	41
Điều 47. Năm tài khóa.....	41
Điều 48. Hệ thống kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	42
Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	42
Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	42
Điều 51. Kiểm toán.....	42
XVII. CON DẤU.....	43
Điều 52. Con dấu.....	43
XVIII. CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN.....	43
Điều 53. Công ty con, công ty thành viên.....	43
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	43
Điều 54. Chấm dứt hoạt động.....	43
Điều 55. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/ hoặc cổ đông.....	43
Điều 56. Thanh lý.....	44
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	45
XXII. HIỆU LỰC.....	45
Điều 59. Bãi bỏ hiệu lực của Điều lệ cũ.....	45
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	45
Điều 61. Ký điều lệ.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được các cổ đông của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai thông qua theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày tháng năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- b. "Điều lệ" có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- c. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- d. "Cổ đông" có nghĩa là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sở hữu ít nhất 1 cổ phần của Công ty;
- e. "Hội đồng quản trị" hoặc "HDQT" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
- f. "Ban kiểm soát" hoặc "BKS" có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- h. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này.
- i. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này.
- j. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
- k. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- l. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
- m. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật hoặc văn bản khác khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tham chiếu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 - Tên tiếng Anh: DONGNAI PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt: DONAPLAST
 - Mã chứng khoán: DNP
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Công ty tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.
 - Điện thoại: 0251.3836269 – 0251.3836843
 - Fax: 0251.3836174
 - E-mail: vphong@donaplast.com.vn
 - Website: www.dnpcorp.vn
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong những khoảng thời gian Công ty không có Chủ tịch Hội đồng quản trị (do Chủ tịch Hội đồng quản trị cũ không còn đảm đương vị trí và Hội đồng quản trị chưa bầu được Chủ tịch Hội đồng quản trị mới) thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là Người đại diện theo pháp luật của Công ty nhằm thay thế để quyết định, ký và thực hiện tất cả các quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng thời gian thay thế này không được quá 30 ngày kết từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị cũ không còn đảm đương vị trí. Trong thời hạn 30 ngày nêu trên, Hội đồng quản trị phải chính thức bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới và thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Công ty có thể thành lập công ty con, đầu tư, góp vốn vào các công ty thành viên; Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và thiết lập hệ thống đại lý, địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 và Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ tính bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

1	Sản xuất sản phẩm từ plastic. <i>Chi tiết: Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa</i>	2220 (chính)
2	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất diêm quẹt</i>	2029
3	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). <i>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu</i>	1410
4	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới</i>	2395
5	Xây dựng nhà các loại. <i>Chi tiết: Xây dựng nhà lắp ghép. Xây dựng công trình dân dụng.</i>	4100
6	Lắp đặt hệ thống điện. <i>Chi tiết: Xây dựng công trình điện</i>	4321
7	Xây dựng công trình công ích. <i>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi</i>	4220
8	Đại lý du lịch. <i>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa</i>	7911
9	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. <i>Chi tiết: Dịch vụ du lịch</i>	7920
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp</i>	4669
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. <i>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp</i>	4290
12	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. <i>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông</i>	4210
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. <i>Chi tiết: Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước</i>	4322
14	Chuẩn bị mặt bằng. <i>Chi tiết: San lấp mặt bằng</i>	4312
15	Bưu chính. <i>Chi tiết: Đại lý bưu điện</i>	5310
16	In ấn (Trừ in- tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi-dệt-may-đan).	1811
17	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ in- tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi-dệt-may-đan).	1812
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659

	<i>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị ngành in.</i>	
19	Kinh doanh vận tải đường bộ	4933

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật cho phép;
- b. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty có thể đầu tư, góp vốn, hợp tác, cộng tác, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký nhằm tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho người lao động, các cổ đông, Công ty và toàn xã hội. Phát triển thêm các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác nếu điều kiện thực tế của Công ty và pháp luật cho phép.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1....Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: 500.092.720.000 đồng (Năm trăm tỷ, chín mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 50.009.272 cổ phần (Năm mươi triệu, chín nghìn, hai trăm bảy mươi hai cổ phần) với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 điều lệ này
4. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty được đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp tại các ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được Công ty lưu trữ tại trụ sở theo quy định của pháp luật.
5. Do Công ty tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa, thời điểm cổ phần hóa đã quá ba năm so với ngày thông qua Điều lệ này, do đó những quy định đối với cổ đông sáng lập của Công ty không còn hiệu lực.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ

đồng quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Toàn bộ cổ phần của Công ty đã được đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, trường hợp cổ đông không lưu ký hoặc rút lưu ký chứng khoán thì Công ty cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông trên cơ sở yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty đã đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu đã phát hành trên Sở giao dịch chứng khoán, toàn bộ các giao dịch mua, bán, chuyển quyền sở hữu cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán.

4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ đông bị mất, bị rách, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại thì cổ đông có thể yêu cầu Công ty cấp Giấy chứng nhận cổ đông mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần theo yêu cầu của công ty và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Sau mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, công ty sẽ cấp giấy chứng nhận cổ đông mới thay thế.

5. Cho dù có quy định tại Điều 6.4 trên đây, những cổ đông chưa lưu ký phải giữ giấy Chứng nhận Cổ đông cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhòe, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận cổ đông và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự thư chào bán, chứng chỉ tạm thời), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Đăng ký chứng khoán và chuyển nhượng cổ phần

1. Công ty đăng ký toàn bộ cổ phần đã phát hành tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, trừ trường hợp Điều lệ này, pháp luật hoặc Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng quản trị có quy định khác.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Công ty hủy đăng ký niêm yết cổ phần trên Sở giao dịch chứng khoán, Hội đồng quản trị sẽ quy định thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần của Công ty.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi đối với số cổ phần mà cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần.
2. Hội đồng quản trị có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thông báo yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc thanh toán không đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
3. Trường hợp hội đồng quản trị ra thông báo nêu tại Điều 9.2 thì ghi rõ điều khoản thanh toán mới (tối thiểu bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo này không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần bị thu hồi đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

- d. Ban Tổng giám đốc;
- e. Các công ty con, công ty thành viên hoặc doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn. Thẩm quyền quyết định thông qua mức vốn góp (hoặc vốn thành lập) vào công ty thành viên, công ty con do Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật quyết định tùy thuộc vào mức độ góp vốn. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định cử người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty thành viên.
- f. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phân xưởng của Công ty trên cơ sở đề nghị của Người đại diện theo pháp luật.
- g. Người đại diện theo pháp luật có thẩm quyền thành lập, giải thể các phòng chức năng trực thuộc Công ty; và có thẩm quyền xây dựng mô hình, ban hành các chính sách đối với Đại lý của Công ty.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

- 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp Điều lệ này, pháp luật hoặc Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng quản trị có quy định khác;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các cổ phần loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2, Điều 24.3 và Điều 38.5 của Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Các quyền của các cổ đông sở hữu các loại cổ phần khác sẽ do nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định, đầy đủ và đúng thời hạn;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp Hội đồng quản trị đề nghị gia hạn và được cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các cơ quan hữu quan chấp thuận thì Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức sau 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13 Điều lệ này.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với cổ phần từng loại;
 - g. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty (nếu có);
 - h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua các quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Báo cáo tài chính gần nhất quy định tại khoản này được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập với thời hạn trước không quá 90 ngày tính đến ngày ra quyết định.
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng (cá nhân hoặc tổ chức) được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của công ty;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; Tại các cuộc họp mà do Hội đồng quản trị triệu tập, Hội đồng quản trị có thể ban hành quy chế cụ thể bằng văn bản cho phép việc ủy quyền qua điện thoại, fax hoặc email nếu đảm bảo được việc xác nhận được và lưu trữ được nội dung ủy quyền.
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền liên quan đến cổ phiếu ưu đãi

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của đại diện 65% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4b Điều 13 hoặc Khoản 4c Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Các tài liệu sau sẽ được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc phải được đăng tải trên website của Công ty trước 10 ngày tính đến ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (Trường hợp đã xác định được trước ứng viên)
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông . Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm (hoặc thư báo phát) tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông (hoặc tới địa chỉ do Cổ đông cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin). Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp đồng thời phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

Thông báo họp đại hội đồng cổ đông công bố trên website của Công ty có giá trị như Thông báo mời họp được gửi tận nơi đối với các trường hợp sau đây: (i) cổ đông có địa chỉ không rõ ràng, hoặc (ii) cổ đông mà Công ty không có đủ thông tin địa chỉ để thực hiện gửi thông báo cho cổ đông; (iii) thông báo đã gửi cho cổ đông theo đúng địa chỉ nhưng bị trả về Công ty do không có người nhận.

Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; (trong trường hợp có trước thông tin ứng viên)
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trính tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.
5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - c. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện phần vốn góp tại Công ty, thì tổ chức đó có quyền ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa hoặc số hóa để việc việc biểu quyết và/hoặc kiểm phiếu có thể được thực hiện dựa trên sử dụng phần mềm máy tính hoặc phương tiện công nghệ, kỹ thuật số.

Việc biểu quyết và kiểm phiếu được thực hiện theo các phương thức sau đây: (i) Kiểm phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó kiểm phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu không có ý kiến; hoặc (ii) bằng việc sử dụng phần mềm máy tính và phương tiện công nghệ, kỹ thuật số; hoặc (iii) theo phương thức khác theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông và/hoặc được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Đại hội bầu những người chịu trách

nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Chủ tọa sẽ được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên như sau: (i) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc (ii) Người do Hội đồng quản trị; hoặc (iii) Do Trường ban kiểm soát điều khiển Đại hội đồng cổ đông để bầu ra một chủ tọa. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không phải do Hội đồng quản trị thì người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển Đại hội để bầu ra một chủ tọa.

Chủ tọa có quyền chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký đại hội;

Chủ tọa có quyền đề cử người vào Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó trừ khi đại hội cổ đông có quyết định khác.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập ĐHCĐ có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập ĐHCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua trực tiếp hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản.

- a) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- b) Quyết định việc trả cổ tức và tỷ lệ cổ tức;
- c) Quyết định thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động quản trị trong năm và hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm;
- d) Quyết định thông qua báo cáo của Ban kiểm soát và báo cáo về hoạt động kiểm soát trong năm của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát;
- e) Quyết định thông qua báo cáo tình hình, kết quả hoạt động trong năm (trong đó có báo cáo tài chính) và thông qua phương hướng, kế hoạch hoạt động của Công ty cho thời gian không quá 03 năm tiếp theo.
- f)
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; Báo cáo tài chính gần nhất quy định tại khoản này được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập với thời hạn trước không quá 90 ngày tính đến ngày ra quyết định.
- j) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- k) Thay đổi, bổ sung ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- l) Thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty, sáp nhập, hợp nhất hoặc tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được quyết định hoặc thông qua theo quy định sau:
 - a. Đối với các nội dung quy định tại điểm a, i, j, l của khoản 1 điều này chỉ được thông qua khi được sự đồng ý của từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự họp.
 - b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.a và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết bằng tích của số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên dự kiến của hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát [ví dụ: *Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu có quyền biểu quyết, Công ty dự kiến bầu 5 thành viên hội đồng quản trị. Như vậy cổ đông A có $(100 \times 5) = 500$ quyền bầu hội đồng quản trị mà không phụ thuộc vào số ứng cử viên hội đồng quản trị là nhiều hơn hay ít hơn 5]. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.*

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.

4. Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch đối với cổ đông nội bộ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông nội bộ và người liên quan đến cổ đông nội bộ không có quyền biểu quyết trong trường hợp này.

Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi địa chỉ của cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến đúng địa chỉ đăng ký của Cổ đông nhưng không được cổ đông gửi về Công ty theo đúng thời hạn quy định hoặc Phiếu lấy ý kiến không thể gửi được đến cho cổ đông (do không xác định được chính xác địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng,...) thì được coi là phiếu biểu quyết không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 146 Luật doanh nghiệp.
2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc Đại hội. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng anh) có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.
3. Trên cơ sở căn cứ vào nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông với các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm ban hành Nghị quyết tương ứng, thời hạn ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong cùng ngày với ngày Biên bản Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết đó.

4. Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc phải được gửi trực tiếp đến các cổ đông trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết được thông qua.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
6. Toàn bộ Biên bản, Nghị quyết, danh sách cổ đông tham dự họp, phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tại mỗi kỳ bầu Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông phải quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông ứng cử, đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% số cổ phần có quyền đề cử 1/5 (một phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 35% số cổ phần có quyền đề cử 2/5 (hai phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử 3/5 (ba phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 51% đến dưới 65% số cổ phần có quyền đề cử 4/5 (bốn phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% cổ phần trở lên có quyền đề cử đủ số thành viên HĐQT của Công ty.
 - Các tỷ lệ 1/5; 2/5; 3/5; 4/5 số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 này sẽ được làm tròn theo nguyên tắc làm tròn xuống (ví dụ: *Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 7, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử 3/5 (ba phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị bằng $7 \times 3/5 = 4,1$ số thành viên. Như vậy theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông hoặc nhóm cổ đông này được quyền đề cử 4 người*).
3. Cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 24 khoản 2 trên đây. Ứng cử viên là người có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước đề cử bằng văn bản gửi Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị. Thời điểm

thành viên Hội đồng quản trị này bị chấm dứt tư cách sẽ là thời điểm thành viên đó không còn đủ tư cách hoặc bị cấm tham gia vào Hội đồng quản trị mà không phụ thuộc vào thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách của thành viên đó;

b. Thành viên gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. Trường hợp này Hội đồng quản trị có thể ra quyết định đình chỉ tư cách thành viên và liên đới chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý của quyết định này;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc bổ nhiệm, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo và công bố thông tin theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Người đại diện theo pháp luật và Ban tổng giám đốc của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển hàng năm, trung hạn của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ đạo Ban tổng giám đốc thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác (Bao gồm nhưng không giới hạn hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi);

d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định các hợp đồng, hoặc phương án, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định.

- g. Thông qua các giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác.
- j. Quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện, các Phân xưởng của Công ty.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc.
- m. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương của Kế toán trưởng, Thư ký công ty (nếu có), Người phụ trách quản trị công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Kế toán trưởng, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị.
- n. Thông qua các quy chế quản lý nội bộ của công ty trên cơ sở đề xuất của Ban tổng giám đốc;
- o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Quyết định phân bổ các quỹ của Công ty đúng với mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- q. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- r. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- s. Kiến nghị việc hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- t. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- c. Quyết định việc thành lập công ty con, việc góp vốn, mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- d. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- e. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính.
6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Hội đồng quản trị có quyền bãi miễn chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị mà mình bầu ra. Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, theo Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.
5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp đầu tiên trong nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quyết định theo đa số nhưng không nhất thiết phải quá bán.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 277 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, các

thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung cần thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 5a Điều 36 và Khoản 5b Điều 36 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

13. Lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp này, Chủ tịch hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 21 Điều lệ này. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy kiến bằng văn bản phải được tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực như nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua tại mọi cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản và mỗi bản sao đó có ít nhất 1 chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký Chủ tọa và thư ký cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Hệ thống quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó tạo nên một bộ máy quản lý do Người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các chức danh Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty (nếu có), Người Phụ trách quản trị công ty sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Các chức danh quản lý khác trong Công ty bao gồm: các Phó tổng giám đốc, Luật sư công ty, Giám đốc chi nhánh, trưởng/ phó phòng/ban, quản đốc phân xưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty sẽ do Người đại diện theo pháp luật của Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Cán bộ, công nhân viên trong Công ty do Người đại diện theo pháp luật của Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, chấm dứt tuyển dụng, sa thải.

Cán bộ, công nhân viên trong Công ty có thể đương nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị (khi được Đại hội đồng cổ đông bầu) mà không bị giới hạn bởi vị trí công việc đang làm.

Cán bộ, công nhân viên Công ty có thể tham gia vào Ban kiểm soát (khi được Đại hội đồng cổ đông bầu) nếu tuân thủ các quy định tại điều 38 Điều lệ này.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ đồng nghĩa với quyết định bổ nhiệm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Người đại diện theo pháp luật của Công ty không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền hạn, nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định, ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Quyết định và đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định thành lập công ty con, góp vốn, mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Báo cáo tài chính gần

nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định.

d. Ban hành và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về hệ thống thang bảng lương và chế độ đãi ngộ và các điều kiện lao động trong Công ty.

e. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị về mức lương, điều kiện làm việc, thời hạn hợp đồng lao động và các chế độ đãi ngộ khác (nếu có) của các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp bổ nhiệm là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty.

f. Ký bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền theo quy định tại điều 29 và điều 31 Điều lệ này.

g. Bổ nhiệm các chức vụ khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động trong Công ty.

h. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, và các chức danh quản lý khác trong Công ty thực hiện thay một hoặc một số các quyền hạn, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật.

Điều 31. Ban Tổng giám đốc

1. Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc, trong từng trường hợp cụ thể các thành viên Hội đồng quản trị làm việc kiêm nhiệm tại Công ty có thể được bổ sung vào Ban tổng giám đốc theo quyết định của Người đại diện theo pháp luật. Ban tổng giám đốc là người giúp việc cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc một mảng công việc của Công ty.

2. Trước khi trình Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định, Ban tổng giám đốc có nhiệm vụ cùng thảo luận và thống nhất những công việc trọng yếu sau của Công ty:

- Lập kế hoạch chiến lược về nhân sự của Công ty. Xác định số lượng nhân sự (nhân sự quản lý và cán bộ, công nhân viên) trong Công ty trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo thực hiện đạt được hoặc vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao. Trong từng giai đoạn cụ thể, số lượng cán bộ quản lý trong Công ty phải được hoạch định theo nguyên tắc sau: (i) Số lượng và chất lượng cán bộ quản lý phải phù hợp với yêu cầu của công việc cần quản lý. (ii) Đạo đức cán bộ quản lý phải minh bạch, liêm khiết và mẫn cán với công việc. (iii) Cán bộ quản lý phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị mà mình quản lý. (iv) Trung thành với Công ty.
- Lập kế hoạch kinh doanh cho các năm tài chính, hàng quý, hàng tháng.
- Bàn bạc và đề xuất việc ký kết liên quan đến phương án, dự án đầu tư quan trọng hoặc bán tài sản có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty.
- Đề xuất các chức danh nhân sự thuộc thẩm quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại điều 29 Điều lệ này.
- Thực hiện các chiến lược, kế hoạch công việc trong năm của Công ty mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

3. Tùy thuộc vào nội dung cụ thể, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền yêu cầu Kế toán trưởng, Thư ký công ty, Luật sư công ty, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Trưởng phòng, Giám đốc (quản đốc) phân xưởng và các cán bộ quản lý khác có thể tham dự các cuộc họp bàn về các nội dung quy định tại khoản 2 điều này.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Cán bộ quản lý khác

Số lượng cán bộ quản lý trong từng thời kỳ do Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định.

Trong trường hợp Ban kiểm soát phát hiện thấy bất kỳ cán bộ quản lý nào có hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi đi ngược lại với lợi ích của Công ty thì Ban kiểm soát có quyền yêu cầu kiểm tra hoạt động của cán bộ quản lý đó và gửi kết luận bằng văn bản tới cấp có thẩm quyền trong Công ty xử lý.

Điều 33. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm nhằm đảm bảo tính khách quan trong quan hệ công việc của Công ty. Kế toán trưởng chịu sự điều hành và quản lý trực tiếp của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ sau đây:

- a. Thiết lập, tổ chức và quản lý hệ thống kế toán phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- b. Quản lý và thực hiện toàn bộ hoạt động hạch toán, kế toán, thu, chi kế toán, lưu trữ sổ sách chứng từ kế toán của Công ty theo đúng chuẩn mực kế toán và theo quy định pháp luật hiện hành.
- c. Báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện trước Tổng giám đốc về việc thực hiện các nghĩa vụ thuế có liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.
- d. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của kế toán viên, thủ quỹ, thủ kho. Phổ biến các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động hạch toán, kế toán trong Công ty.
- e. Trong trường hợp có yêu cầu, Kế toán trưởng báo cáo trực tiếp Hội đồng quản trị về những thông tin, tình hình tài chính của Công ty.

Kế toán trưởng không phải là người có liên quan đến Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty.

Điều 34. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
- g. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Thư ký Công ty.

Trừ những thời gian làm thực hiện các công việc theo quy định tại mục a,b,c,d,e,f,g trên đây, Thư ký công ty chịu sự điều hành và quản lý của Tổng giám đốc trong công việc hàng ngày. Thư ký công ty có thể kiêm nhiệm công việc khác trong Công ty.

IX. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.

Điều 35. Nguyên tắc cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cần trọng và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 36. Nguyên tắc trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành

khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Cán bộ cấp trên không được dùng vị thế công việc của mình để gây áp lực cho cấp dưới nhằm trục lợi cá nhân. Tôn trọng lợi ích của Công ty, không được tham ô tài sản của Công ty, không được thực hiện bất kỳ hành vi nào, dưới bất kỳ hình thức nào nhằm mục đích biến tài sản, lợi ích của Công ty thành tài sản, lợi ích của cá nhân.

8. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

9. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo thẩm quyền cho phép.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm các nguyên tắc quy định tại Điều 35 và 36 Điều lệ này thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại thời điểm bầu Ban kiểm soát. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 3. a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 4. b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty
6. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền ứng cử, đề cử người tham gia vào Ban kiểm soát như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền đề cử 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 51% số cổ phần trở lên có quyền đề cử đủ số ứng viên Ban kiểm soát.
8. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
9. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

10. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.
- b. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- c. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- f. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- g. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- h. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 39. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát Công ty sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và các trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tối thiểu tham gia các cuộc họp là 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 11, Khoản 2 Điều 24 và Khoản 5 Điều 38 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao chứng thực của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị các báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ KHÁC

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động trong Công ty.

Công ty phải tổ chức, thiết lập công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 42. Tổ chức đoàn thể khác

Công ty khuyến khích toàn thể cán bộ, công nhân viên tham gia vào Đảng cộng sản Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức đoàn thể xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty tạo điều kiện, không ngăn cản hoạt động của các tổ chức nêu trên trong nội bộ Công ty theo nguyên tắc đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 43. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán/tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Thời hạn trả cổ tức bằng tiền sẽ phải được thực hiện trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày quyết định trả cổ tức bằng tiền có hiệu lực.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ của công ty hoặc do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng mà cổ đông đó đã đăng ký với Công ty. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ đông đã thực hiện lưu ký cổ phiếu của mình tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ được thực hiện chi trả thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức mà cổ đông được nhận.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách hưởng quyền. Căn cứ theo ngày đó, những cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền tham dự đại hội cổ đông, nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc quyền khác theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Ngày chốt danh sách có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại tối thiểu một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. Công ty cũng có thể thực hiện các phương thức thanh toán và giao dịch khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và/ hoặc Tổng giám đốc.

Điều 46. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thực tế, hàng năm Hội đồng quản trị có thể đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các quỹ theo quy định sau:

- Quỹ phúc lợi khen thưởng không quá 10% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty. Quỹ này được sử dụng để tạo phúc lợi, khen thưởng cho cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty. Việc sử dụng quỹ do Tổng giám đốc đề xuất trình Hội đồng quản trị quyết định.
- Quỹ khen thưởng do vượt mức kế hoạch được giao sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định vào trước mỗi năm kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Quỹ đầu tư, phát triển không quá 10% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty. Quỹ này được sử dụng nhằm mục đích mở rộng đầu tư, tìm kiếm các cơ hội khác nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho Công ty. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định việc sử dụng quỹ.

Trừ quỹ bổ sung vốn điều lệ bắt buộc phải lập theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty không bắt buộc phải lập các quỹ còn lại.

Điều 47. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 48. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập và hoàn thành việc kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
2. Trường hợp cổ phiếu Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thì Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Luật chứng khoán.
3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo thường niên và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ lựa chọn một hoặc một vài công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và đủ tiêu chuẩn kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán.
2. Thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Điều lệ này. Kết quả kiểm toán (thư kiểm toán) phải được đính kèm báo cáo tài chính sau khi kiểm toán.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Con dấu là tài sản của Công ty và được khắc và sử dụng theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ quy định luật pháp hiện hành.
2. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN

Điều 53. Công ty con, công ty thành viên

1. Công ty có thể thành lập một hoặc nhiều công ty con thuộc sở hữu 100% vốn của mình; hoặc tham gia góp vốn vào một hoặc nhiều công ty khác. Việc góp vốn thành lập công ty con hoặc góp vốn vào công ty khác do Hội đồng quản trị hoặc Đại diện theo pháp luật tùy thuộc vào mức độ vốn góp.
2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền cử người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty thành viên. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp chỉ định người quản lý, điều hành đối với công ty con. Đối với công ty thành viên mà Công ty sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên thì Hội đồng quản trị có thể chỉ đạo người đại diện vốn của Công ty thực hiện đề cử và bầu người điều hành công ty thành viên.
3. Hàng năm, người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty thành viên mà Công ty sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên thực hiện lập báo cáo tài chính để hợp nhất với báo cáo tài chính của Công ty đúng thời hạn và theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/ hoặc cổ đông

Trừ khi pháp luật hiện hành có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa tổng số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể công ty sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 56. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Hội đồng quản trị trong số cổ đông hoặc cán bộ quản lý hoặc nhân viên Công ty và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. HIỆU LỰC

Điều 59. Bãi bỏ hiệu lực của Điều lệ cũ

Bản điều lệ Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai ngày 19 tháng 03 năm 2016 và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung của Bản điều lệ ngày 19 tháng 03 năm 2016 của Công ty sẽ hết hiệu lực kể từ thời điểm bản Điều lệ này có hiệu lực

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai nhất trí thông qua ngày 07 tháng 04 năm 2018 tại Đồng Nai. Điều lệ này sẽ có hiệu lực toàn văn kể từ ngày 07 / 04 /2018.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản nộp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;
- b. 01 bản nộp Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- c. 01 bản nộp Sở giao dịch chứng khoán;
- d. 02 bản do Thư ký công ty lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Điều 61. Ký điều lệ

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo Pháp luật của Công ty ký Điều lệ này. Người được ủy quyền phải ký tại trang cuối của Điều lệ, và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác của Điều lệ.

Con dấu của Công ty được đóng giáp lai tất cả các trang của Điều lệ, và đóng trên chữ ký của Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 tại trang cuối.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2018/DNP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.
- Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ công ty và văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai có trụ sở tại Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

b. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.

2. Chữ viết tắt:

a. “Đại hội đồng cổ đông”: ĐHĐCĐ

b. “Hội đồng quản trị”: HĐQT

c. “Ban kiểm soát”: BKS

d. “Ban Giám đốc”: BGD

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:

1. Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam. Đặc biệt là:
 - a. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp Điều lệ này, pháp luật hoặc Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng quản trị có quy định khác;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các cổ phần loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:
 - a) Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;
 - b) Cổ đông được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - c) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 4. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và bất thường:

Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHCĐ gồm các nội dung chính sau:

1. Triệu tập ĐHCĐ
 - a) Hàng năm, Công ty tổ chức ĐHCĐ ít nhất một lần. ĐHCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn.

b) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp theo quy định tại mục 3 Điều 13, Điều lệ Công ty.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty thực hiện thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trên website của Công ty tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho công ty niêm yết.

3. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm (hoặc thư báo phát) tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông (hoặc tới địa chỉ do Cổ đông cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin). Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp đồng thời phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

Thông báo họp đại hội đồng cổ đông công bố trên website của Công ty có giá trị như Thông báo mời họp được gửi tận nơi đối với các trường hợp sau đây: (i) cổ đông có địa chỉ không rõ ràng, hoặc (ii) cổ đông mà Công ty không có đủ thông tin địa chỉ để thực hiện gửi thông báo cho cổ đông; (iii) thông báo đã gửi cho cổ đông theo đúng địa chỉ nhưng bị trả về Công ty do không có người nhận.

Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; (trong trường hợp có trước thông tin ứng viên)
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp..

Điều 5. Quyền và cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, trước khi Đại hội bắt đầu, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết.

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử được phát các phiếu/thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) đại diện cho số cổ phần sở hữu.

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 6. Điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ

1. Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, được quy định tương ứng tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Phiếu biểu quyết và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ:

Hình thức, nội dung phiếu biểu quyết, cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ được thể hiện cụ thể tại Quy chế biểu quyết được thông qua trước ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đảm bảo quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia biểu quyết; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm phiếu được khẩn trương chính xác và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.

3. Phiếu bầu cử và cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ:

Hình thức, nội dung phiếu bầu cử, cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ được thể hiện cụ thể tại Quy chế bầu cử được thông qua trước ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đảm bảo quyền bầu cử của Cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia bầu cử; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm phiếu được khẩn trương chính xác và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.

4. Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết bằng tích của số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên dự kiến của HĐQT hoặc BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu và thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Nghị quyết ĐHĐCĐ có thể được thông qua theo hai hình thức: biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: Là việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử theo Quy chế biểu quyết và Quy chế bầu cử của Công ty được thông qua trước ĐHĐCĐ phù hợp với Quy định của pháp luật.

2. Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 20, Điều lệ Công ty.

5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ là căn cứ pháp lý thể hiện quan điểm, ý chí của cổ đông đối với các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của

DHĐCĐ.

6. Nghị quyết của ĐHĐCĐ cùng các tài liệu liên quan đến việc thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại Trụ sở Công ty.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề, được ghi lại thành Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và được công khai tại phiên họp.

Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 146 Luật doanh nghiệp.
2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc Đại hội. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.
3. Trên cơ sở căn cứ vào nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông với các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm ban hành Nghị quyết.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết đó.

4. Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc phải được gửi trực tiếp đến các cổ đông trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết được thông qua. Đồng thời thực hiện công bố thông tin với UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định.
6. Toàn bộ Biên bản, Nghị quyết, danh sách cổ đông tham dự họp, phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.

Điều 11. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi địa chỉ của cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu Công ty.
- d) Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
- e) Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến đúng địa chỉ đăng ký của Cổ đông nhưng không được cổ đông gửi về Công ty theo đúng thời hạn quy định hoặc Phiếu lấy ý kiến không thể gửi được đến cho cổ đông (do không xác định được chính xác địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng,...) thì được coi là phiếu biểu quyết không hợp lệ.
- f) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Nội dung biên bản kiểm phiếu được quy định tại Khoản 5, Điều 21 Điều lệ Công ty.
- g) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- i) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH

VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của trên 05 công ty khác.
2. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó

Điều 13. Cách thức ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% được đề cử 1/5 (một phần năm) số thành viên; từ 25% đến dưới 35% được đề cử 2/5 (hai phần năm) số thành viên; từ 35% đến dưới 51% được đề cử 3/5 (ba phần năm) số thành viên, từ 51% đến dưới 65% được đề cử 4/5 (bốn phần năm) số thành viên, và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Các tỷ lệ 1/5; 2/5; 3/5; 4/5 số thành viên HĐQT được làm tròn theo nguyên tắc làm tròn xuống.

3. Cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số phiếu có quyền

biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

5. Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử HĐQT được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHĐCĐ.

Điều 14. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể sẽ do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với Hội đồng quản trị. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả bầu cử, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một chủ tịch và các phó chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không có đủ tư cách thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT.

b. Thành viên gửi đơn bằng văn bản xin từ chức tới trụ sở chính của Công ty.

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. Trường hợp này, HĐQT có thể ra quyết định đình chỉ tư cách thành viên và liên đới chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý của quyết định này.

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong 06 tháng liên tục và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt

và xác nhận vị trí của thành viên này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng.

- e. Thành viên bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo luật chứng khoán về công bố thông tin của công ty niêm yết

Điều 18. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các quy định về triệu tập cuộc họp HĐQT, điều kiện tổ chức họp và cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều 28, Điều lệ Công ty.

HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau hoặc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó.

1. Triệu tập họp HĐQT

- Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Cuộc họp thường kỳ: Chủ Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

- Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- + Ban kiểm soát;
- + Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- + Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- + Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Thông báo và chương trình họp

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung cần thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Điều kiện và cách thức tổ chức họp HĐQT

- a. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT tham dự trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
- b. HĐQT có thể tiến hành họp trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua điện thoại hoặc hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- c. Hội đồng quản trị cũng có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức biểu quyết

- a. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết
- c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc

liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 8a Điều 35 và Khoản 8b Điều 35 của Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Thông qua các nghị quyết của HĐQT :
- a. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT, và các người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
 - c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

6. Biên bản họp HĐQT

Việc ghi chép, thông qua, lưu giữ Biên bản họp hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 27.14 Điều lệ công ty.

7. Thông báo Nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, cách thức đề cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại thời điểm bầu Ban kiểm soát. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ

nhiệm.

2. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền đề cử 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 51% số cổ phần có quyền đề cử 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 51% số cổ phần trở lên có quyền đề cử đủ số ứng viên Ban kiểm soát.

3. Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử Ban kiểm soát được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHĐCĐ.

Điều 21. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Theo quyết định của ĐHĐCĐ

CHƯƠNG V: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO

Điều 23. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Ban Tổng giám đốc
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp
 - Là cổ đông của Công ty hoặc là người không phải cổ đông nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty
 - Trung thực, mẫn cán và có uy tín.

- Không đồng thời làm Giám đốc/Tổng giám đốc ở công ty khác

2. Cán bộ quản lý khác

Theo quy định tại Điều 32, Điều lệ công ty, số lượng cán bộ quản lý trong từng thời kỳ do Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định.

3. Kế toán trưởng công ty

Việc bổ nhiệm kế toán trưởng công ty theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Việc bổ nhiệm Đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao khác

1. Người đại diện theo pháp luật sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các chức danh Tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ đồng nghĩa với quyết định bổ nhiệm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

3. Số lượng cán bộ quản lý trong từng thời kỳ do Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định. Các chức danh quản lý khác trong Công ty bao gồm: các Phó tổng giám đốc, Luật sư công ty, Giám đốc chi nhánh, trưởng/ phó phòng/ban, quản đốc phân xưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty sẽ do Người đại diện theo pháp luật của Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc

Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 26. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty được công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với Công ty niêm yết.

CHƯƠNG VI: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG HĐQT - BAN KIỂM SOÁT - BAN GIÁM ĐỐC

Điều 27. Thủ tục phối hợp giữa HĐQT, BKS và BGD

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT đều được công khai đối với Ban Tổng giám đốc và BKS.

- Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn khi có đề nghị triệu tập họp HĐQT từ phía Tổng giám đốc và Ban kiểm soát nếu không có lý do chính đáng theo đúng quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

- Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này

và Điều lệ Công ty.

- Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty

2. Hoạt động giám sát của BKS

- BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Cán bộ quản lý, sự phối hợp giữa HĐQT với BKS, BGD và cổ đông, các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp/cao nhất của Công ty và các cổ đông.

- HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

- Mọi đề xuất, hành động trong phạm vi quyền hạn của Ban Kiểm soát phải được HĐQT và Ban Giám đốc đảm bảo thực hiện.

- BKS có thể báo cáo trực tiếp lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện các hành vi được cho là vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc hoặc các Cán bộ Quản lý.

- BKS có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động của công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.

3. Ban Tổng giám đốc

Báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; báo cáo Thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.

4. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật.

Trong trường hợp cần thiết Công ty sẽ xây dựng quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
- Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật
- Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.
- Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật của Công ty,

Ban tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Cán bộ cấp trên không được dùng vị thế công việc của mình để gây áp lực cho cấp dưới nhằm trục lợi cá nhân. Tôn trọng lợi ích của Công ty, không được tham ô tài sản của Công ty, không được thực hiện bất kỳ hành vi nào, dưới bất kỳ hình thức nào nhằm mục đích biến tài sản, lợi ích của Công ty thành tài sản, lợi ích của cá nhân.

8. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được

phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, các thành viên Ban tổng giám đốc, người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

9. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

10. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo thẩm quyền cho phép.

Điều 29. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp cần thiết Công ty có thể áp dụng các biện pháp được pháp luật cho phép để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Trong trường hợp cần thiết Công ty có thể áp dụng các biện pháp được pháp luật cho phép để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty cam kết không cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

CHƯƠNG VIII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Báo cáo và giám sát

Định kỳ hàng năm, công ty có nghĩa vụ báo cáo tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm về việc quản trị Công ty sẽ tuân thủ theo các hình thức phạt vi phạm của văn bản pháp lý có liên quan.

Các trường hợp khác căn cứ theo các quy định nội bộ về chế độ khen thưởng và xử phạt của Công ty để xử lý. Việc xử lý vi phạm phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định nội bộ khác.

CHƯƠNG IX: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 32. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty niêm yết có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty niêm yết phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X: SỬA ĐỔI QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ

Điều 34. Sửa đổi Quy chế quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị có thể sửa đổi, bổ sung Quy chế này trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh .

Điều 35. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm X chương, 35 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai nhất trí thông qua toàn văn của Quy chế này để Ban hành áp dụng trong Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo Pháp luật của Công ty ký Điều lệ này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký

VŨ ĐÌNH ĐỘ